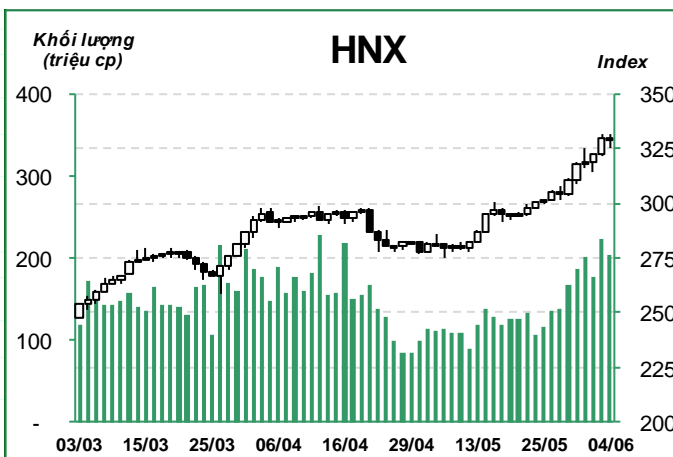
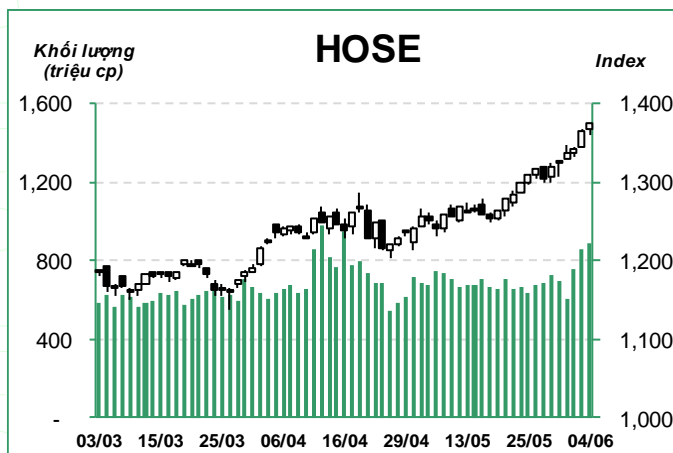


Tổng quan thị trường

04/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,374.05	0.72%	1,508.35	0.26%	329.76	-0.06%
Cuối tuần trước	1,320.46	4.06%	1,458.78	3.40%	310.46	6.22%
Trung bình 20 ngày	1,303.33	5.43%	1,429.80	5.49%	305.96	7.78%
Tổng KLGD (triệu cp)	943.33	4.94%	344.47	4.87%	209.05	-8.71%
KLGD khớp lệnh	887.73	3.60%	336.49	5.70%	203.08	-8.90%
Trung bình 20 ngày	701.91	26.47%	269.49	24.86%	149.83	35.54%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	31,308.23	6.82%	18,115.44	7.99%	4,745.33	-12.51%
GTGD khớp lệnh	29,179.98	5.19%	17,510.56	8.22%	4,645.27	-12.65%
Trung bình 20 ngày	22,136.04	31.82%	13,153.77	33.12%	3,383.42	37.29%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	224	49%	15	50%	107	29%
Số mã giảm	193	42%	15	50%	109	30%
Số mã đứng giá	44	10%	0	0%	151	41%



Đà tăng của thị trường chứng khoán tiếp tục được củng cố trong phiên giao dịch ngày thứ 6 nhờ lực cầu mạnh đến từ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước. Áp lực điều chỉnh xuất hiện vào cuối phiên sáng khi các cổ phiếu vốn hóa lớn xảy ra sự phân hóa, đặc biệt là động thái chốt lời mạnh ở nhóm ngân hàng và chứng khoán. Tuy nhiên, dòng tiền mua mới nhanh chóng nhập cuộc với sự sôi động của nhóm dầu khí giúp các chỉ số hồi phục và tăng trở lại vào cuối phiên.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa cao nhất phiên tại mức 1,374.05 điểm (+0.72%). Thanh khoản tăng 3 phiên liên tiếp với KLGD khớp lệnh đạt 887.7 triệu cổ phiếu (+3.6%), tương đương 29,180 tỷ đồng giá trị (+5.2%). Độ rộng thị trường đã có sự cân bằng trở lại nhưng vẫn đang nhỉnh hơn về bên mua với 224 mã tăng/193 mã giảm.

Với việc nhóm ngân hàng đồng loạt điều chỉnh mạnh, nhóm dầu khí đã trở thành tâm điểm trên sàn HoSE trong phiên hôm nay với nhiều cổ phiếu bứt phá như PV Gas-GAS (+3.5%), Petrolimex-PLX (+3.2%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (+6.8%). Bên cạnh đó, lực cầu cũng lan tỏa đến một số Bluechips khác như Vingroup-VIC (+2.1%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+4.9%), Vincom Retail-VRE (+5.6%). Ở chiều ngược lại, Vietcombank-VCB (-1.7%), Vinhomes-VHM (-0.9%), Vinamilk-VNM (-0.8%) và Novaland-NVL (-0.9%) là những trụ cột giảm điểm ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số.

Động thái rút vốn của khối ngoại chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khi bán ròng trên sàn HoSE trong phiên hôm nay với giá trị 1,511.6 tỷ đồng (+44.6%). Qua đó đánh dấu một tuần bán ròng nhiều nhất của khối ngoại trên sàn HoSE trong nhiều năm trở lại đây. Với các cổ phiếu bị xả mạnh như MBBank-MBB (-509.8 tỷ), Hòa Phát-HPG (-427.7 tỷ), Viconship -VSC (-362.4 tỷ). Trong khi đó, Vincom Retail-VRE (+127.8 tỷ),

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VSC	7,000.0	392.00
HNG	19,000.0	203.30
FPT	2,125.0	192.18
VIB	1,922.0	134.54
TCB	2,460.0	130.38
SHI	2,717.4	79.57
AGG	1,667.0	76.68
FUESSVFL	3,300.0	73.36
VCB	540.0	57.47
MWG	250.0	37.18
HNX		
IDC	1,192.0	42.69
SHS	540.0	20.14
HUT	2,000.1	14.60
BTS	1,273.0	8.91
AMV	600.0	5.97
PSD	121.8	1.86
DNP	90.6	1.79
DDG	49.6	1.57
VC3	45.0	0.90
VFG	14.0	0.84

Quý-FUESSVFL (+77.6 tỷ), Petrolimex-PLX (+70.4 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng chủ yếu.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa gần như không đổi so với phiên hôm qua tại mức 329.76 điểm (-0.06%). Thanh khoản giảm nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 203.1 triệu cổ phiếu (-8.9%), tương đương 4,645.3 tỷ đồng giá trị (-12.6%).

Sau phiên tăng bùng nổ hôm qua, tâm lý chốt lời hiện diện khiến chỉ số phân hóa. Trong đó, áp lực chính đến từ bộ đôi Ngân hàng Bắc Á-BAB (-2.9%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-3.7) với phiên giảm mạnh phủ nhận phần lớn mức tăng trong phiên trước đó. Ngoài ra, nhóm chứng khoán cũng có tín hiệu đảo chiều hàng loạt như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-1.3%), Chứng khoán BIDV-BSI (-5.1%), Chứng khoán Artex-ART (-5.5%). Ở chiều ngược lại, nhóm dầu khí dậy sóng với hàng loạt cổ phiếu tăng trần như Dầu khí PTSC-PVS (+10.0%), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (+9.6%), Bọc ống Dầu khí-PVB (+9.4%) giúp thu hẹp đà giảm cho chỉ số.

Khối ngoại cũng gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HNX trong phiên hôm nay lên mức 45.0 tỷ đồng (+156.2%). Trong đó, khối ngoại tiếp tục có động thái bán mạnh đối với một số cổ phiếu quen thuộc những phiên gần đây như Dầu khí PTSC-PVS (-34.3 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-12.9 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-3.5 tỷ). Trái lại, Bảo hiểm PVI-PVI (+4.3 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+4.2 tỷ), Thaiholdings-THD (+3.4 tỷ) là những cổ phiếu được mua nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ sáu liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với đường ADX hướng lên vùng 29 và đường +DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với -DI cho thấy xu hướng tăng khá mạnh mẽ. Thêm vào đó, đường MACD nằm trên Signal duy trì tín hiệu mua và RSI hướng lên vùng 78 cho thấy đà tăng điểm đang chi phối, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến kém tích cực hơn, khi chỉ số có phiên giảm nhẹ trở lại. Mặc dù vậy, chỉ số giữ trên MA5, cùng chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật. Chỉ số có thể sớm quay lại và vượt qua ngưỡng 330 điểm (Fib 38.2) để hướng lên thử thách vùng 364 điểm (Fib 61.8, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường duy trì xu hướng tăng. Do đó, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VSI	21.4	16.6	7.0%
SHA	6.4	1,258.1	7.0%
ANV	26.8	1,385.3	7.0%
SCR	9.8	13,634.2	7.0%
SMA	9.7	24.2	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MCP	23.8	1.3	-6.9%
GMC	34.1	17.8	-6.7%
TGG	5.0	729.8	-5.5%
SGR	27.0	39.8	-5.3%
VNL	18.6	21.5	-4.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	71.7	5,380.6	1.6%
HPG	54.5	1,753.0	0.4%
MBB	41.6	1,373.5	1.0%
STB	32.2	1,214.2	-1.8%
TCB	54.6	861.5	-0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	71.7	76,637.8	1.6%
FLC	14.3	37,694.3	2.5%
STB	32.2	37,481.9	-1.8%
MBB	41.6	32,896.1	1.0%
HNG	11.1	32,457.1	-1.3%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	29.7	24,578.2	10.0%
C69	11.0	515.5	10.0%
MAS	41.8	1.7	10.0%
PTI	32.0	12.6	10.0%
PSI	12.3	567.8	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	24.3	3.1	-10.0%
HHC	83.7	0.1	-9.9%
LBE	21.1	0.5	-9.8%
KTT	7.9	4.1	-9.2%
QHD	35.2	4.6	-9.0%

Top 5 giá trị

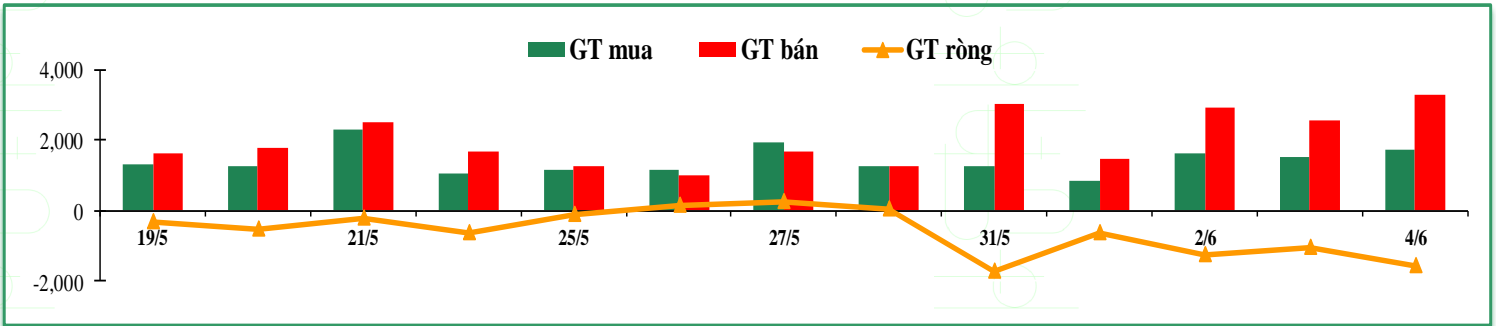
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	32.5	1,179.9	0.3%
PVS	29.7	694.1	10.0%
VND	60.4	392.2	-1.3%
SHS	41.3	375.4	0.0%
THD	201.1	221.9	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	32.5	36,483.1	0.3%
PVS	29.7	24,578.2	10.0%
ART	12.0	18,499.3	-5.5%
HUT	7.2	10,425.4	-1.4%
SHS	41.3	9,226.1	0.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,671.9	5.3%	3,183.5	10.2%	-1,511.6
HNX	45.6	1.0%	90.6	1.9%	-45.0
Tổng số	1,717.5		3,274.1		-1,556.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	84.7	168.6	-0.6%
VRE	32.2	163.8	5.6%
NVL	139.8	77.9	-0.9%
FUESSVFL	23.8	77.9	3.4%
PLX	57.2	72.7	3.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	41.6	519.6	1.0%
HPG	54.5	485.6	0.4%
VSC	53.4	365.5	0.8%
VNM	89.5	234.1	-0.8%
VIC	121.0	229.4	2.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	32.2	127.8	5.6%
FUESSVFL	23.8	77.6	3.4%
PLX	57.2	70.4	3.2%
OCB	32.3	67.0	4.9%
VIX	31.0	33.3	-4.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	29.7	12.4	10.0%
SHB	32.5	6.6	0.3%
THD	201.1	5.0	0.2%
PVI	36.6	4.4	3.1%
VND	60.4	4.4	-1.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	29.7	46.7	10.0%
VND	60.4	17.3	-1.3%
PAN	27.0	5.4	-0.7%
SHS	41.3	5.0	0.0%
SHB	32.5	2.4	0.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	36.6	4.3	3.1%
SHB	32.5	4.2	0.3%
THD	201.1	3.4	0.2%
VGS	20.2	1.1	3.6%
VCS	101.5	1.1	-1.4%

Tin trong nước

Moody's nâng triển vọng tín nhiệm của HDBank từ ổn định lên tích cực

Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) vừa thông báo xác nhận Xếp hạng tiền gửi dài hạn bằng nội tệ và ngoại tệ và Xếp hạng nhà phát hành của HDBank ở mức B1, đồng thời nâng Triển vọng của HDBank từ "Ổn định" lên "Tích cực – theo thông cáo báo chí ngày 31/5.

Thanh khoản TTCK phái sinh tăng hơn 11% trong tháng 5

Thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục giao dịch sôi động trong tháng 5/2021. Trong đó, sản phẩm hợp đồng tương lai chỉ số VN30 có khối lượng giao dịch (KLGĐ) bình quân đạt 209.707 hợp đồng/phiên, tăng 11,27% so với tháng trước.

Khối lượng hợp đồng mở (OI) tại phiên giao dịch cuối tháng 5 đạt 26.969 hợp đồng, giảm 16,84% so với tháng trước.

FTSE Vietnam Index thêm HSG, loại DXG khỏi danh mục trong kỳ review quý 2/2021

FTSE Vietnam Index – chỉ số cơ sở của FTSE Vietnam ETF vừa công bố kết quả cơ cấu danh mục định kỳ quý 2/2021.

Không ngoài dự báo được các tổ chức trong nước đưa ra trước đó, FTSE Vietnam Index đã thêm mới Hoa Sen (HSG) vào danh mục trong kỳ cơ cấu này, trong khi loại Đất Xanh (DXG). Sau kỳ cơ cấu danh mục này, FTSE Vietnam Index giữ nguyên số lượng cổ phiếu Việt Nam ở con số 21.

Hiện tại, quy mô FTSE Vietnam ETF đạt 435 triệu USD, trong đó quỹ dành 100% đầu tư vào cổ phiếu Việt Nam.

Trong khi đó, FTSE Vietnam AllShare Index thêm mới ACB, VIB, MSB, OCB, VCI vào rổ và ngược lại loại DXG, CII, CTD. Dù vậy, hiện không có quỹ nào tracking theo rổ FTSE Vietnam AllShare Index.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

VietinBank muốn huy động 10.000 tỷ đồng vốn cấp 2

VietinBank (HoSE: CTG) công bố phát hành 10.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng năm 2021. Ngân hàng sẽ phát hành 100 triệu trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, chia ra làm 2 đợt. Đợt một từ quý II đến quý III, đợt hai từ quý III đến quý IV trong năm nay.

Đợt 1, ngân hàng sẽ chào bán 80 triệu trái phiếu với tổng giá trị 8.000 tỷ đồng. Trong đó, phát hành 4.000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 8 năm và 4.000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 10 năm.

Trong đợt 2, VietinBank dự kiến phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 8 năm và 1.000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 10 năm.

Ngân hàng cho biết, việc phát hành trái phiếu nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn.

HDBank sắp chia cổ tức tỷ lệ 25% và phát hành ESOP

HĐQT HDBank (HoSE: HDB) thông qua tăng vốn điều lệ năm 2021 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25% và phát hành 20 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP).

Ngân hàng dự kiến phát hành hơn 398 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020, nguồn vốn để phát hành từ lợi nhuận chưa phân phối.

Sau đó, HDBank sẽ phát hành 20 triệu cổ phiếu ESOP với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn tất hai đợt phát hành, vốn điều lệ sẽ tăng từ 16.088 tỷ đồng lên 20.273 tỷ đồng.

Tập đoàn Cao su chia cổ tức 6% cho năm 2020

Tại ĐHCĐ thường niên 2021 sắp tới, HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HoSE: GVR) sẽ trình phương án chia cổ tức tỷ lệ 6% cho năm 2020 (tương đương 2.400 tỷ đồng) theo đúng kế hoạch đề ra đầu năm. Tập đoàn cũng trích gần 547 tỷ đồng cho quỹ đầu tư phát triển, cao hơn nhiều so với con số kế hoạch 160 tỷ.

Sang năm 2021, GVR đặt mục tổng doanh thu tăng 4% lên 26.914 tỷ đồng. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giảm 10% còn 4.564 tỷ đồng. Tuy nhiên chính sách cổ tức vẫn duy trì ở mức 6%.

Kinh Bắc chào bán 1.500 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng, lãi suất 10,8%/năm

Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) thông báo chào bán 1.500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 24 tháng, lãi suất cố định 10,8%/năm. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm. Kinh Bắc huy động vốn để cho các công ty con vay tăng quy mô hoạt động.

Trước đó, doanh nghiệp vừa công bố phương án phát hành tối đa 1.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất cố định 10,5%/năm. Thời điểm thực hiện dự kiến trong quý II. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm. Mục tiêu phát hành là tài trợ cho các dự án đầu tư, tăng quy mô vốn hoạt động, cơ cấu lại nguồn vốn.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PAN	Mua	07/06/21	27	27	0.0%	31	14.8%	25.4	-5.9%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VIC	Quan sát mua	07/06/21	121	132.5 144	Nền tăng tốt kèm vol cao sau cặp nền Bullish Engulfing và tín hiệu rũ bỏ trước đó -> khả năng đang tạo đáy quanh vùng giá hiện tại
2	CCL	Quan sát mua	07/06/21	13.6	15.5 18.5	Nền tăng mạnh vượt ngưỡng 13.5 và MA50 + vol cao trở lại -> khả năng kết thúc nhịp điều chỉnh, quay lại xu hướng tăng trung hạn
3	KBC	Quan sát mua	07/06/21	35.5	42	Nền bật tăng tốt vượt ngưỡng 34.5 và thoát trendline giảm + vol cao trở lại -> có cơ hội tạo đáy sau nhịp giảm trung hạn vừa qua, có thể canh tham gia khi giá điều chỉnh về quanh 35
4	PNJ	Quan sát mua	07/06/21	100.6	117	Nhịp điều chỉnh retest đỉnh thời đại sau khi vượt qua với nền, vol cạn dần -> khả năng sớm có phiên bật tăng tốt trở lại để tiếp tục xu hướng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	84.7	70	21.0%	93.5	33.6%	67.65	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	53.4	49.9	7.0%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	32.15	24.1	33.4%	34.3	42%	22.9	-5%	
4	SSI	Nắm giữ	13/05/21	48.75	34.8	40.1%	52.2	50%	33.5	-4%	
5	PVS	Nắm giữ	19/05/21	29.7	21.8	36.2%	31.3	44%	20.5	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	VHM	Mua	20/05/21	104.5	100.4	4.1%	110	10%	96.5	-4%
7	HDG	Mua	24/05/21	46	41.95	9.7%	47.6	13%	40.3	-4%
8	BVS	Nắm giữ	25/05/21	30.9	22.8	35.5%	34.4	51%	21.3	-7%
9	DRC	Mua	03/06/21	28.9	27.55	4.9%	33.6	22%	26.2	-5%
10	BVH	Mua	04/06/21	57.1	54.9	4.0%	63	15%	53	-3%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 04/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,590	-2.0%	272%	31,330	18	84,700	8,082	(1,508)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,900	-5.2%	227%	5,610	31	84,700	1,988	(2,912)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,900	-2.0%	290%	3,180	110	35,450	1,164	(2,736)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	48,310	0.7%	748%	5,260	26	54,500	40,771	(7,539)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	9,490	-1.2%	804%	4,690	110	54,500	2,777	(6,713)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	33,500	0.3%	408%	10,650	31	54,500	19,392	(14,108)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	16,300	1.2%	318%	22,020	32	54,500	8,386	(7,914)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,200	2.0%	580%	10,510	31	54,500	4,446	(5,754)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	17,650	4.2%	488%	41,610	66	54,500	8,442	(9,208)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,650	2.5%	257%	18,040	84	54,500	3,211	(11,439)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,760	-1.0%	420%	22,200	69	54,500	47	(6,713)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,660	-0.2%	455%	22,890	69	54,500	45	(6,615)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CKDH2002	1,600	3,990	-0.3%	149%	12,030	73	39,150	2,984	(1,006)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,000	0.0%	200%	4,910	110	39,150	1,216	(1,784)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,130	-1.1%	119%	12,690	70	39,150	4,089	(2,041)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	25,500	1.6%	454%	3,760	10	41,550	25,559	59	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	8,200	0.7%	413%	48,460	32	41,550	7,799	(401)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,820	2.7%	218%	13,740	69	41,550	722	(3,098)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,980	-0.3%	184%	4,610	110	107,300	479	(2,501)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,750	6.2%	175%	7,730	110	107,300	170	(2,580)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,200	1.0%	107%	3,790	70	107,300	3,278	(2,922)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	23,700	-5.2%	98%	1,430	26	137,500	20,823	(2,877)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	2,950	-4.8%	74%	19,330	6	137,500	2,954	4	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	2,910	-6.1%	21%	7,630	32	137,500	2,072	(838)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,400	-0.8%	113%	8,800	59	137,500	3,584	(2,816)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,050	-6.8%	8%	7,680	31	137,500	924	(1,126)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,000	-3.2%	275%	1,480	(74)	137,500	(246)	(9,246)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,600	0.0%	56%	14,060	84	137,500	997	(3,603)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,750	-1.9%	675%	84,530	7	139,800	7,661	(89)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,380	3.5%	438%	9,940	110	139,800	3,943	(1,437)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,460	-2.8%	215%	11,020	115	139,800	816	(2,644)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,130	9.8%	275%	39,990	84	81,800	142	(3,988)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,620	8.7%	320%	4,890	115	81,800	304	(4,316)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,660	-8.0%	56%	13,450	32	100,600	2,298	(362)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,410	-3.4%	171%	3,640	59	100,600	4,175	(1,235)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,600	-5.9%	59%	8,830	14	100,600	4,373	(227)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,800	-2.8%	22%	8,070	32	57,400	2,373	(427)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,680	-1.5%	144%	8,880	110	20,900	26	(2,654)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	9,990	-3.9%	808%	9,910	7	32,150	10,078	88	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	20,100	-4.3%	429%	5,670	10	32,150	20,157	57	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,080	-1.8%	608%	9,310	110	32,150	5,147	(1,933)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	8,220	-1.2%	487%	48,670	66	32,150	7,110	(1,110)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,900	-3.3%	198%	5,110	84	32,150	9,363	(2,537)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	32,010	-2.7%	493%	8,400	56	54,600	32,672	662	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	25,000	-1.6%	400%	11,110	123	54,600	23,823	(1,177)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	9,430	0.3%	310%	24,480	32	54,600	9,334	(96)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,100	-1.9%	248%	18,430	66	54,600	9,619	(481)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,710	-0.8%	286%	6,110	84	54,600	4,522	(3,188)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCH2003	1,600	2,300	-0.4%	44%	6,470	73	22,100	50	(2,250)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,880	-0.7%	188%	2,340	110	22,100	93	(2,787)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,110	-1.0%	13%	9,580	70	22,100	31	(3,079)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,890	-3.1%	58%	14,150	69	22,100	0	(1,890)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,600	-1.8%	14%	49,180	7	104,500	1,565	(35)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,500	-2.2%	218%	2,260	110	104,500	204	(3,296)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,920	0.7%	54%	22,410	32	104,500	1,766	(1,154)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,300	-2.1%	106%	18,600	66	104,500	722	(2,578)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,000	3.1%	167%	2,930	70	104,500	315	(3,685)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,500	-3.6%	169%	9,610	69	104,500	5	(3,495)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,450	0.0%	-3%	24,530	7	121,000	1,418	(32)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,090	6.6%	209%	8,500	110	121,000	124	(2,966)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,200	0.9%	100%	11,930	115	121,000	0	(2,200)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	80	-27.3%	-92%	67,230	7	107,400	0	(80)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	80	0.0%	-93%	75,830	7	89,500	0	(80)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,150	-1.8%	95%	3,740	110	89,500	0	(2,150)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	930	-12.3%	-45%	20,110	32	89,500	(0)	(930)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	450	25.0%	-74%	29,880	14	89,500	(0)	(450)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,950	5.4%	99%	10,980	101	89,500	10	(2,940)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,810	2.8%	65%	24,130	115	89,500	0	(1,810)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	45,500	7.6%	713%	7,770	56	71,700	45,786	286	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	17,000	4.9%	486%	10,840	32	71,700	17,385	385	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,690	2.9%	555%	18,290	66	71,700	17,671	(19)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,950	-0.3%	258%	11,300	84	71,700	7,647	(1,303)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	330	73.7%	-78%	81,110	7	32,200	83	(247)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	6,600	15.6%	32%	35,640	56	32,200	4,791	(1,809)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,750	16.0%	129%	4,580	110	32,200	152	(2,598)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,650	10.0%	-8%	36,600	32	32,200	565	(1,085)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,610	9.7%	101%	21,800	66	32,200	249	(2,361)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,500	10.8%	17%	7,080	70	32,200	122	(3,378)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	39,150	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG	(New)	HOSE	40,200	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	32,200	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM	(New)	HOSE	104,500	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR	(New)	HOSE	55,400	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR	(New)	HOSE	29,900	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	38,800	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	35,500	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	57,400	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
GMD		HOSE	40,250	54,600	28/05/2021	541	1,794	22,180	9%	6%	12.8	1.0	0%
ANV		HOSE	26,750	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	41,350	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	34,600	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	41,200	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	75,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	94,300	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	26,000	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	119,100	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	100,600	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	137,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	153,700	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	107,300	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	89,500	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	87,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	36,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	139,800	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	104,900	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

ACB		HOSE	45,300	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	54,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,500	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,400	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,100	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
HPG		HOSE	54,500	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	84,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	20,200	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	39,900	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	67,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	57,200	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	20,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,200	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	91,400	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	54,800	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	22,800	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	57,900	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	20,400	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,850	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	40,600	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	87,200	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	13,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.